TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS-ST
Ngày: 23-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lê Thị Lệ Quyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Hải Long;
2. Ông Nguyễn Minh Sơn.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 3 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên toà số 08/TB-TA ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lâm Nghiệp V; sinh ngày 24 tháng 5 năm 1978; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú cũ: số 31/24 đường P, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú mới: số 31C L, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: số 20 đường Y, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: thợ sơn; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm T (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951; có 02 con chung với bà Nguyễn Thị Thanh V (không đăng ký kết hôn), lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền sự: không; tiền án: Tại bản án số 210/2017/HSST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản";* Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/11/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

- *Bị hại:* Chị Trần Thị Bích T, sinh năm: 1993, nơi cư trú: 88 đường C, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt).*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Công ty tài chính V; Trụ sở: số 9 đường Đ, phường M, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G, sinh năm 1972; Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty.

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Ông Lý Tuấn A, Giám đốc trung tâm an ninh của Công ty (theo văn bản uỷ quyền số 10/UQ-AN.19 ngày 24/01/2019).

- Ông Huỳnh Ngọc C, Chuyên viên của công ty (là người được uỷ quyền lại theo văn bản uỷ quyền số 32/UQ-AN.20 ngày 21/02/2020). *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Nghiệp V là đối tượng đã có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, V lên thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng thuê nhà trọ và đi làm thuê từ tháng 6/2018. Ngày 16/10/2019, V được chị Trần Thị Bích T thuê đến sơn lại căn nhà tại địa chỉ 88 đường C, phường G, thành phố Đ. Đến khoảng 10 giờ 30 ngày 29/10/2019, trong lúc V đang di chuyển chiếc bàn vi tính đặt trong phòng ngủ của chị T để sơn bức tường thì ngăn kéo hộc bàn vi tính bung ra. Lúc này, V nhìn thấy có 01 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng để trong ngăn kéo nên đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên . Thực hiện ý định, V quan sát thấy không có ai trong phòng liền lấy cọc tiền trên bỏ vào trong túi quần bên trái của V rồi tiếp tục làm việc đến 11 giờ thì về phòng trọ của mình. Tại phòng trọ, V kiểm đếm số tiền vừa trộm cắp được ở nhà chị T là 18.000.000 *(mười tám triệu)* đồng. Sau đó, V tới cửa hàng điện thoại Thế giới di động tại số 02 đường L, phường A, thành phố Đ để mua trả góp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh trị giá 8.990.000 đồng, V sử dụng số tiền trộm cắp được của chị T để trả trước 1.970.000 đồng, số tiền còn lại V làm hợp đồng vay trả góp với Công ty tài chính V tại cửa hàng Thế giới di động. Sáng ngày 31/10/2019, V điều khiển xe mô tô, biển số 52F1 – 1161 xuống thành phố Hồ Chí Minh thăm bạn gái là Đỗ Ngọc Anh Th và đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 5.230.000 đồng, còn lại số tiền 10.800.000 đồng V mang về lại thành phố Đ. Ngày 04/11/2019, V bị cơ quan công an triệu tập lên làm việc và thu giữ số tiền nói trên. Tại cơ quan công an V đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu xám biển số 52F1-1161; Số tiền 10.800.000 *(mười triệu tám trăm nghìn)* đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu đen; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Acer màu trắng ; 01 Hộ chiếu và Chứng minh nhân dân mang tên Lâm Nghiệp V.

Bị hại: chị Trần Thị Bích T bị bị cáo V chiếm đoạt số tiền 18.000.000 *(mười tám triệu)* đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị T số tiền 10.800.000 *(mười triệu tám trăm nghìn)* đồng thu giữ của bị cáo, số tiền còn lại 7.200.000 *(bảy triệu hai trăm nghìn)* đồng không thu hồi được thì chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty tài chính V yêu cầu bị cáo phải thanh toán số tiền vay của Công ty là 8.169.613 *(tám triệu một trăm sáu*

mươi chín nghìn sáu trăm mười ba) đồng để mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh.

Quá trình điều tra xác định, sau khi V trộm cắp tiền của chị T, V có gặp và kể lại việc trộm cắp tài sản cho chị Đỗ Ngọc Anh Th (là bạn gái của V) biết. Chị Th đã khuyên V trả lại số tiền trộm cắp được cho bị hại và không cùng V tiêu xài số tiền trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt không xử lý hình sự đối với chị Th.

Cáo trạng số 28/CT-VKSĐL ngày 27/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Lâm Nghiệp V về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc, khiếu nại gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại chị T có đơn xin vắng mặt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Công ty tài chính V xác định ngày 29/10/2019, bị cáo V có ký Hợp đồng tín dụng với công ty để mua trả góp điện thoại di động. Hiện bị cáo còn nợ công ty số tiền vay và phí phát sinh theo hợp đồng là 8.169.000 *(tám triệu một trăm sáu mươi chín nghìn)* đồng nên công ty yêu cầu bị cáo phải thanh toán cho công ty số tiền trên, không yêu cầu tính lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo, giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị tuyên bố bị cáo Lâm Nghiệp V phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo từ 15-18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị T đã nhận lại số tiền 10.800.000 đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập. Đề nghị ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và đại diện Công ty tài chính V: bị cáo có trách nhiệm thanh toán cho công ty số tiền 8.169.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu xám biển số 52F1-1161; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu đen ; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Acer màu trắng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; trả lại cho bị cáo 01 Hộ chiếu và Chứng minh nhân dân mang tên bị cáo.

Bị cáo không tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, cam đoan không tái phạm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên toà, bị hại chị T có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, biên bản xác định hiện trường và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 gờ 30 phút, ngày 16/10/2019, tại nhà số 88 đường C, phường G, thành phố Đ, trong lúc sơn lại nhà cho chị Trần Thị Bích T, lợi dụng sơ hở của chị T trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút lấy trộm của chị T 01 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng với tổng số tiền là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng. Hành vi của bị cáo V thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thì thấy rằng: Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Bản thân bị cáo đã có một tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xoá án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà chỉ vì tư lợi cá nhân mà bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội là thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên xử phạt bị cáo hình phạt thật nghiêm khắc, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. [6] Về hình phạt bổ sung: theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại

phiên toà thể hiện bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị T đã nhận lại số tiền 10.800.000 đồng, số tiền còn lại 7.200.000 đồng không thu hồi được thì chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty tài chính V yêu cầu bị cáo phải thanh toán số tiền mà bị cáo còn nợ của công ty theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là 8.169.000 *(tám triệu một trăm sáu mươi chín nghìn)* đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị cáo đồng ý thanh toán cho công ty số tiền nói trên. Xét sự thoả thuận giữa bị cáo và công ty là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét thấy:

-Số tiền 10.800.000 đồng Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo là số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền trên cho bị hại là đảm bảo theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét tiếp.

- 01 Hộ chiếu và Chứng minh nhân dân mang tên bị cáo là giấy tờ nhân thân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu xám biển số 52F1-1161; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung phím bấm màu đen; 01 máy tính bảng hiệu Acer màu trắng là tài sản hợp pháp của bị cáo nên trả lại cho bị cáo; đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh bị cáo mua với giá 8.990.000 đồng, bị cáo có sử dụng số tiền 1.970.000 đồng trộm cắp được để trả một phần nhưng bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền này, số tiền còn lại bị cáo vay của công ty tài chính để mua chiếc điện thoại trên nên có căn cứ xác định chiếc điện thoại này là tài sản hợp pháp của bị cáo nên trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ các tài sản trên của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[8] Trong vụ án này, có chị Đỗ Ngọc Anh Th là bạn gái của bị cáo. Quá trình điều tra xác định, sau khi bị cáo trộm cắp tiền của chị T, bị cáo xuống thành phố Hồ Chí Minh thăm chị Th và có kể cho chị Th biết việc bị cáo trộm cắp tài sản nói trên. Chị Th đã khuyên bị cáo trả lại số tiền đã trộm cắp cho bị hại và chị Th không cùng bị cáo tiêu xài số tiền trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt không xử lý đối với chị Thlà đúng quy định của pháp luật

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Bị cáo Lâm Nghiệp V phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2.Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Lâm Nghiệp V 15 *(mười lăm)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 05/11/2019.

3.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự:

Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và Công ty tài chính V: Bị cáo Lâm Nghiệp V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính V số tiền 8.169.000 *(tám triệu một trăm sáu mươi chín nghìn)* đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo 01 Hộ chiếu và Chứng minh nhân dân mang tên Lâm Nghiệp V;

- Trả lại cho bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu xám , biển số 52F1-1161; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung phím bấm màu đen; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Acer màu trắng ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2020 giữa Công an thành phố Đà Lạt và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 408.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THA TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lệ Quyên